

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 3667/2022/DS-ST
Ngày: 22/9/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vinh
2. Bà Bùi Thị Phụng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà
Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân thành
phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T,
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
397/2022/TLST-DS ngày 18/5/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5410/2022/QĐXXST-DS ngày 04/8/2022,
Quyết định hoãn phiên tòa số 6202/2022/QĐST-DS ngày 29/8/2022, giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng VNTV

Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà RT, số X đường ĐVB, Phường Y, Quận K, Thành
phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm: 1995

Địa chỉ: số nhà 9/7 Đường U, Khu phố X, phường HBP, thành phố T,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lý Ngọc Phương N, sinh năm 1974

Địa chỉ: số nhà 08 Đường HD, Khu phố Y, phường LT, thành phố T,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2022 của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hùng D:

Ngày 10/12/2019, Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng VNTV (gọi tắt là Công ty) ký hợp đồng tín dụng số 20191211-7902744 với nội dung Công ty đồng ý cho bà Lý Ngọc Phương N vay số tiền 53.750.000 đồng (trong đó gồm 50.000.000 đồng tiền vay và 3.750.000 đồng phí bảo hiểm) theo đơn đề nghị vay vốn của bà N với mục đích vay tiêu dùng, mức lãi suất cố định 36,49%/năm, thời hạn vay 36 tháng, phương thức thanh toán trả góp hàng tháng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi bà N phải thanh toán cho Công ty trong thời hạn 36 tháng là 87.887.897 đồng, thời gian thanh toán từ ngày 05/01/2020 đến ngày 05/12/2022, 35 tháng đầu mỗi tháng thanh toán 2.461.648 đồng, ngày 05/12/2022 hết thời hạn vay, bà N thanh toán số tiền còn lại 1.730.217 đồng. Thực hiện hợp đồng, Công ty đã giải ngân đủ số tiền vay vào tài khoản của bà N. Sau khi nhận tiền, bà N thực hiện việc thanh toán đúng thỏa thuận được 05 tháng, từ ngày 15/5/2020 thì ngưng không thanh toán gốc, lãi. Sau đó, ngày 07/12/2021 thanh toán được 2.000.000 đồng, ngày 15/12/2021 thanh toán 1.000.000 đồng và ngày 28/01/2022 thanh toán 1.000.000 đồng.

Bà N đã thanh toán số tiền tổng cộng 16.370.000 đồng gồm 8.803.177 đồng tiền gốc và 7.566.823 đồng tiền lãi. Từ tháng 02/2022 đến nay bà N không thanh toán khoản tiền còn lại cho Công ty. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty thu hồi toàn bộ khoản vay trước hạn, yêu cầu bà N phải thanh toán số tiền 71.517.897 đồng, trong đó tiền nợ gốc 44.946.823 đồng và nợ lãi 26.571.074 đồng. Công ty không yêu cầu bà N thanh toán tiền lãi suất quá hạn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà Lý Ngọc Phương N, đồng thời triệu tập bà N đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Lý Ngọc Phương N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ

71.517.897 đồng (gồm tiền nợ gốc 44.946.823 đồng và tiền lãi 26.571.074 đồng) theo thỏa thuận tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Lý Ngọc Phương N đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 08 Đường số 4, Khu phố 4, phường Linh Trung, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh nhưng từ tháng 11/2021 bà N không còn cư trú tại địa phương. Xét thấy đây là địa chỉ khi tiến hành giao dịch vay tài sản bị đơn cung cấp cho nguyên đơn nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp bị đơn thay đổi nơi ở mà không thông báo cho nguyên đơn thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Vì vậy, căn cứ địa chỉ ghi trên hợp đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Phía đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn phù hợp với Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 10/12/2019 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 10/12/2019 bị đơn có đề nghị được vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi xem xét nguyện vọng, điều kiện của bị đơn, ngày 11/12/2019 nguyên đơn đã phê duyệt đồng ý cho bị đơn vay số tiền 50.000.000 đồng với mức phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân bị đơn phải chịu là 7,5% của giá trị tiền vay, tương đương 3.750.000 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán số tiền vay. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn, căn cứ đề nghị vay vốn của bị đơn và phần phê duyệt của Công ty, chứng từ thực hiện chi hộ số 35/2022 ngày 13/6/2022 cùng bảng lịch sử thanh toán

ngày 03/3/2022 do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã nhận số tiền vay 50.000.000 đồng, ngoài ra bị đơn đồng ý mua mức phí bảo hiểm 3.750.000 đồng nên khoản tiền này được cộng vào số tiền gốc. Như vậy, tổng số tiền gốc bị đơn phải thanh toán là 53.750.000 đồng. Sau khi vay bị đơn đã thanh toán được 08 lần với tổng số tiền 16.370.000 đồng trong thời gian từ ngày 02/01/2020 đến ngày 28/01/2022. Số tiền còn lại 71.517.897 đồng (gồm tiền nợ gốc 44.946.823 đồng và nợ lãi 26.571.074 đồng) bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn và đã vi phạm thời hạn thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn đã ra thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn là phù hợp theo thỏa thuận của hai bên được quy định cụ thể tại Điều 8 Điều khoản điều kiện cho vay kèm theo hợp đồng tín dụng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền lãi suất quá hạn nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 40, 277, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng VNTV về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Lý Ngọc Phương N;

Bà Lý Ngọc Phương N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng VNTV số tiền nợ 71.517.897 đồng (bảy mươi một triệu năm trăm mười bảy nghìn tám trăm chín mươi bảy) đồng (gồm nợ gốc 44.946.823 đồng và tiền lãi 26.571.074 đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi

suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lý Ngọc Phương N phải chịu 3.575.895 (ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng VNTV được nhận lại 1.787.947 (một triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi bảy) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0027156 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên)

Trần Ngọc Khánh